

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 15/4/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tâm;

Ông Lê Hoàng Hiền;

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Hoài Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:
Ông Đinh Văn Trà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

PHƯƠNG HOÀI Â, sinh năm 1973, tại Bình Định; nơi cư trú: thôn P, xã Ân Đông, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phương Sanh K, sinh năm 1925 (liệt sỹ) và bà Phạm Thị Ph, sinh 1939; vợ: Thị Th, sinh năm 1984; con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Về lịch sử bản thân: Ngày 23/9/2013, Phương Hoài Â bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng 09 ngày tù, về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2013/HS-ST. Về hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, chấp hành xong vào ngày 14/6/2019. Bị cáo tại ngoại “có mặt tại phiên toà”.

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: thôn G, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: thôn G, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định (vắng mặt);

Người làm chứng:

1. Lê Quốc V (tên gọi khác: Đen), sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: thôn B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Nguyễn Khắc T (tên gọi khác: Lì), sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (vắng mặt)..

3. Trương Công T1, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: thôn B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (vắng mặt);

4. Đỗ Đức T2, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: thôn D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (vắng mặt);

5. Hồ Lê Hùng B, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, Phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt);

6. Phan Đức N (tên gọi khác: “Nam”, “anh Hai”), sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Khối 2, Phường Bò, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đó, Huỳnh Văn H có nợ tiền của Lê Quốc V (tên gọi khác là “Đen”). Vào ngày 08/8/2017, H viết giấy mượn tiền của V với số tiền 110.000.000 đồng và quy định thời hạn trả nợ cụ thể. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, H đã không trả tiền cho V mà cố tình tránh mặt.

Khoảng đầu tháng 10/2017, trong lúc đi chơi, V gặp A và kể cho A nghe về việc H nợ tiền của V. Sau khi nghe V kể, A hỏi V nợ nần có giấy tờ gì không, V đưa cho A xem giấy mượn tiền do H viết. Sau khi xem xong, A nói “nếu nợ có giấy tờ thế này thì để tao gọi điện cho”. V nói “nếu anh gọi ai lấy được 110.000.000 đồng thì em trả công 40.000.000 đồng”. Sáng ngày hôm sau, A gọi điện cho Nguyễn Khắc T (tên gọi khác là “Lì”) về việc lấy nợ cho V và T đồng ý. Sau đó, A điện thoại cho V và đưa số điện thoại của T cho V. Giữa T với V liên lạc, gặp gỡ nhau như thế nào A không biết.

Vào sáng ngày 05/10/2017, Nguyễn Khắc T cùng với Hồ Lê Hùng B đến gặp V và cùng V đến nhà tìm H nhưng không gặp được H, có gặp bà Nguyễn Thị K (là vợ đã ly hôn với H) ở nhà. V và T nói chuyện với bà K rồi ra về. Sau đó V, T, B đến quán Cộng Đồng (Mỹ Thành, H) nhậu, trong quá trình nhậu, T gọi điện thoại rủ Phan Đức N (tên gọi khác là “Nam”, “anh Hai”) và một số người bạn của T cùng đến nhậu. Tại quán nhậu, T đã mượn tiền của V 5.000.000 đồng. Tổng cộng chi phí nhậu ngày 05/10/2017, do V chi trả khoảng 10.000.000 đồng.

Vào ngày 06/10/2017, V nghe tin có nhóm người Gia Lai đến nhà H đòi nợ, V sợ nhóm này sẽ lấy tiền hay tài sản tại nhà H nên V gọi điện thoại báo cho T để bàn chuyện lấy nợ cho V.

Vào sáng ngày 07/10/2017, T đi xe máy từ thị trấn B đến nhà A chờ A cùng đến quán cà phê H (ở Bình Hòa N, Ân Hảo Đ, H). Tại đây, T và V bàn bạc thống nhất lên nhà H để đòi nợ, nếu không có tiền thì lấy tài sản. V chuẩn bị phương tiện, T huy động lực lượng để khiêng tài sản trong nhà; V thuê Trần Tuấn A1 (tên gọi khác là “Giác” ở Hội L, Ân Hảo Đ, H) điều khiển xe ô tô innova 7 chỗ đến chờ V đi công chuyện và thuê Đỗ Văn N (ở Bình Hòa N, Ân Hảo Đ, H) là tài xế xe tải chở hàng cho V (A1, N không biết V đi xiết nợ của người khác); V gọi điện thoại cho Trương Công T1, bảo T1 đi lên AL khiêng đồ cho V, tất cả đều đến quán cà phê Hoa Nắng đợi nhóm người của T; Trung gọi điện cho Phan Đức N nói N gọi cho mấy anh em đi lấy đồ cho V. Sau đó, T gọi cho B. N ở thị trấn B đi xe taxi hãng Phước Phát do Bùi Quốc H điều khiển chở N cùng T, A2 (chưa xác định họ, tên), trên đường đi N liên lạc và đón B, Nguyễn Văn N (ở lại Khánh T, Hoài Đ, H), Đỗ Đức T2 (ở Du Tự, thị trấn T, H) Hà Quốc V, Hồ Thành A1 (cùng trú Gia Trị, Ân Đức, H) đến quán cà phê Hoa Nắng gặp V, T rồi tất cả cùng đi đến nhà bà K. Khi đi V, T, T2, A đi xe innova; T1 đi xe của N, số còn lại đi trên xe taxi. Khi đến quán cà phê Lộc Vùng (thuộc thôn 9, thị trấn A) N cùng A xuống xe đi vào quán, những người còn lại đi đến nhà bà K.

Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 07/10/2017, khi đến nhà bà K, V ở lại trong xe, 03 tài xế ngồi trên xe; T vào nhà bà K đứng cạnh bàn bida, B, N, T2, A2, A1, V đi vào nhà bà K khiêng 01 bộ ngựa (04 tấm gỗ gỗ, kích thước mỗi tấm 40x10x238cm, 02 tấm gỗ rằn rằn làm chân ngựa); 01 xe mô tô hiệu Nouvo BKS: 77M1-018.88; 01 Tivi nhãn hiệu LG 42inch; 01 bộ loa thùng gồm 03 loa; 01 bàn ăn gỗ thiết lim 50x120cm; 01 lục bình gỗ gỗ cao 120cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu trắng. Bà K ngăn cản, hô hoán nhưng T đến giữ tay của bà K lại để nhóm khiêng tài sản ra chất lên xe tải, T1 phụ chất tài sản lên xe. Nhóm T nhanh chóng chở tài sản lấy được về cất tại nhà ông Chung Nguyên V (ở Tân Xuân, Ân Hảo T, H) là bố vợ của V rồi cùng nhau đến quán Cộng Đồng. Trong quá trình nhậu: V, T, N, A đi ra bàn riêng ở phía trong quán nói chuyện, V nói chỉ lấy được tài sản, nên trả 20.000.000 đồng, vì đã đưa 5.000.000 đồng cho T mượn trước đó nên V đưa thêm 15.000.000 đồng là tiền V thuê nhóm T đi lấy tài sản xiết nợ cho V. V để tiền trên bàn rồi đi ra ngoài. T lấy 3.000.000 đồng đưa cho N, lấy 2.000.000 đồng đưa cho A; T và N gọi B, N, T2, A2, A1, V vào. Nhân lấy số tiền trong 15.000.000 đồng đưa cho T2 và B mỗi người 1.000.000 đồng, T trả tiền nhậu và tiền xe taxi, số tiền còn lại T lấy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG, ngày 20/4/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A xác định: Tổng giá trị của tài sản trong vụ án hình sự tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 32.682.900 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định đã xét xử: Lê Quốc V 15 tháng tù, Nguyễn Khắc T, Đỗ Đức T2 mỗi người 12 tháng tù, Hồ Lê Hùng B, Nguyễn Văn N, Trương Công T1 mỗi

người 09 tháng tù, Phạm Đức N 06 tháng 09 ngày tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 156/2019/HS-PT ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt Trương Công T1 06 tháng tù.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 26/2020/HS-GĐT ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân Tối cao đã quyết định: Hủy bản án hình sự phúc thẩm số 156/2019/HS-PT ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

Tại cáo trạng số: 09/CT-VKSAL ngày 26/02/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Phương Hoài Ân, về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170/BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát như cáo trạng. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65/BLHS, xử phạt bị cáo: Phương Hoài Ân từ 09 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Đã được giải quyết theo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị hại: Sau khi sự việc xảy ra, tài sản đã được thu hồi và trả đủ cho bị hại. Về bồi thường thiệt hại, không yêu cầu giải quyết. Về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối lỗi, nhận thức hành vi gây ra là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, vì điều kiện kinh tế gia đình của bị cáo rất khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, đang nuôi mẹ già và con nhỏ, vợ thường xuyên đau ốm, không có công việc làm ổn định và hứa sẽ không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Do tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội

thì Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành và tội danh tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi hơn cho bị cáo. Do đó, HĐXX áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với kết luận định giá tài sản, những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Phương Hoài Ân biết Lê Quốc V có nhu cầu đòi tiền nợ của ông Nguyễn Văn H nên Ân đã môi giới cho V liên hệ với Nguyễn Khắc T để đòi nợ. Sáng ngày 07/10/2017, biết nhóm T, V đi đòi nợ, Ân đã tham gia đi cùng, tuy không trực tiếp đến nhà bà K lấy tài sản, nhưng Ân đã giúp sức, hỗ trợ để V chiếm đoạt tài sản của bà K có giá trị 32.682.900 đồng. Sau khi thực hiện xong việc lấy nợ, T lấy số tiền mà V trả công, chia cho Ân số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170/BLHS. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì được hưởng lợi mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp môi giới cho việc lấy nợ. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX nhận thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, đồng phạm với vai trò gián đơn, không đáng kể trong vụ án, bị cáo có một thời gian tham gia quân ngũ. Được chính quyền địa phương xác nhận: “Điều kiện kinh tế gia đình của bị cáo rất khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, đang nuôi mẹ già và con nhỏ, vợ thường xuyên đau ốm, không có công việc làm ổn định”, có nơi cư trú rõ ràng, cha của bị cáo là liệt sĩ, có anh trai là liệt sĩ. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51/BLHS.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí HSST:

Bị cáo là thân nhân liệt sĩ nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[7] Trong vụ án này, có Trung A1, Hồ Thanh A2, Hà Quốc Vn các đối tượng này tham gia lấy tài sản tại nhà bà Nguyễn Thị K. Tuy nhiên, hiện các đối tượng không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với các đối tượng để xác định ý thức chủ quan của họ trong quá trình thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã tách hành vi của họ để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các điểm, khoản, Điều, mức hình phạt là tương đối phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phương Hoài Ân, phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 của Bộ Luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

1. Xử phạt: Bị cáo Phương Hoài Ân 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2021).

Giao bị cáo Phương Hoài Ân cho UBND xã Ân, huyện H, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phương Hoài Ân cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phương Hoài Ân phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không có yêu cầu, HĐXX không xem xét.

3. Về án phí HSST: Bị cáo được miễn theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo bản án: Án xử có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho các bên được biết có quyền kháng cáo bản án lên Toà án tỉnh Bình Định trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2021).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện A;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- CQCSĐT Công an huyện A;
- CQTHAHS công an huyện A;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Nghiên

